

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/DS-PT

Ngày 08 - 02 - 2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 03 và 08 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:101/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị C (Bích C), sinh năm 1976 (Có mặt);

Nơi cư trú: Số 598, tổ 19, ấp LT, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Phúc là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Hồ Nam Tr (Giáo A, Tám A), sinh năm 1968 (Có mặt);

2.2 Bà Nguyễn Võ Diễm Th, sinh năm 1974 (Có mặt);

Cùng cư trú: Số 363, tổ 15, ấp LQ 1, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Tường Huy là Luật sư của Công ty Luật An Gia thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1948 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp LT, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh AG.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961;

Nơi cư trú: Ấp LH, xã LG, huyện Ch.M, tỉnh AG.

5. Người kháng cáo: Ông Hồ Nam Tr (Giáo A, Tám A) và bà Nguyễn Võ Diễm Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Vũ Thị C trình bày:

Ông Hồ Nam Tr và vợ là Nguyễn Võ Diễm Th có hỏi mượn của bà C nhiều lần tiền với lãi suất 3% tháng, cụ thể:

- Vào ngày 02/02/2019 mượn 500.000.000 đồng, có thế chấp cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 13.654m², đất thửa 73.

- Vào ngày 06/04/2019 mượn 700.000.000 đồng, hạn 06 tháng trả, có thế chấp cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 548,90m².

- Vào ngày 26/04/2019 mượn 150.000.000 đồng, hạn 06 tháng trả.

- Vào ngày 01/08/2019 mượn 400.000.000 đồng, có thế chấp cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 377m².

- Vào ngày 04/03/2019 mượn 400.000.000 đồng, hạn 06 tháng trả, có thế chấp cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 377m² và ngày 20/03/2019 mượn 100.000.000 đồng, hạn 06 tháng trả.

Tại Biên nhận ngày 07/9/2019 bà C và ông Tr có chốt nợ từ ngày 02/02/2019 đến ngày 01/8/2019 là 2.250.000.000 đồng, ông Tr có gửi lại cho bà C bớt 200.000.000 đồng nên còn nợ 2.050.000.000 đồng.

- Vào ngày 20/05/2020 mượn 400.000.000 đồng, hạn 06 tháng trả, có thế chấp cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 121,2m².

- Vào ngày 10/11/2020 mượn 350.000.000 đồng, hạn 06 tháng trả.

Hiện nay ông Tr, bà Th không đóng lãi và trả vốn cho bà C là vi phạm hợp đồng. Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tr, bà Th trả cho bà C số tiền 2.800.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với: Số tiền 2.050.000.000 đồng tính lãi từ ngày 07/9/2019; số tiền mượn 400.000.000 đồng tính lãi từ ngày 20/05/2020; số tiền 350.000.000 đồng tính lãi từ ngày 10/11/2020 cho đến khi trả hết số tiền cho bà C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C rút lại chứng cứ là những chữ ký của ông Tr do bà Th ký dùm; không rút đối với chữ ký trong biên nhận ghi ngày

07/9/2019, ông Tr đã trả 200.000.000 đồng rồi chốt nợ và sử dụng lời thừa nhận của bà Th là nợ của vợ chồng để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tr và bà Th trả số tiền 2.800.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật; đối với Biên nhận ngày 01/6/2021 là do ông Tr tự viết và ký tên, có chữ viết của bà Th xác định chốt lãi để thanh toán.

Bị đơn là bà Nguyễn Võ Diễm Th trình bày:

Theo thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì bà C khởi kiện đòi vợ chồng bà trả số nợ 2.800.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật bà không đồng ý. Đối với lãi suất lúc vay thỏa thuận 3% (tương đương 100.000.000 đồng mỗi tháng đóng lãi 3.000.000 đồng); đối với số tiền vốn còn nợ 2.800.000.000 đồng là không đúng chỉ còn nợ 2.200.000.000 đồng; số tiền 600.000.000 đồng đã trả vào ngày 15/6/2021 chuyển khoản vào tài khoản tại ngân hàng BIDV chi nhánh Chợ Mới.

- Theo Biên nhận ngày 02/02/2019 thống nhất chữ viết, chữ ký của bà, bà C ghi thêm về lãi suất và thế chấp tài sản là không có; nợ riêng là 500.000.000 đồng.

- Theo Biên nhận ngày 20/3/2019 thống nhất về số tiền 100.000.000 đồng, chữ ký của chồng do bà Th ký, đây là nợ cá nhân bà Th, ông Tr không ký vào biên nhận này;

- Theo Biên nhận ngày 06/4/2019 số tiền 700.000.000 đồng, thống nhất chữ viết và chữ ký của bà Th, bà C ghi thêm về lãi suất, về thế chấp tài sản, chữ ký của chồng (ông Tr) do bà Th ký và ông Tr không ký vào biên nhận này, đây là nợ cá nhân bà Th.

- Theo Biên nhận ngày 26/4/2019 số tiền 150.000.000 đồng, thống nhất về số tiền, bà C ghi thêm về lãi suất và thế chấp tài sản, đây là nợ cá nhân bà.

- Theo Biên nhận ngày 01/8/2019 số tiền 400.000.000 đồng, thống nhất về số tiền, bà C ghi thêm về lãi suất và thế chấp tài sản, ông Tr không ký tên; đây là nợ cá nhân bà Th.

- Theo Biên nhận ngày 04/02 (có sửa thành tháng 3)/2019 số tiền 400.000.000 đồng, thống nhất về số tiền, bà C ghi thêm về lãi suất và thế chấp tài sản, ông Tr không ký tên, về dòng chữ ngày phía dưới xóa sửa và ghi thêm hai hàng chữ, đây là nợ của cá nhân bà Th.

- Theo Biên nhận ngày 20/5/2020 số tiền 400.000.000 đồng, thống nhất về số tiền, bà C ghi thêm về lãi suất và thế chấp tài sản, ông Tr không ký tên, đây là nợ cá nhân bà Th;

- Theo Biên nhận ngày 10/11/2020 số tiền 350.000.000 đồng, thống nhất về số tiền, bà C ghi thêm về lãi suất, thời hạn trả, có chỉnh sửa mượn thành thêm, đây là nợ chung.

- Biên nhận 600.000.000 đồng trả tại Ngân hàng, bà Th không đồng ý vì không đọc được nội dung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th xác định vợ chồng trả bà C số tiền 2.200.000.000 đồng (trong đó nợ riêng 1.850.000.000 đồng, nợ chung 350.000.000 đồng). Bà yêu cầu được trả lãi theo quy định pháp luật, về tiền vốn xin trả dần trong thời hạn 18 tháng (06 tháng trả 01 lần), đối với số tiền 600.000.000 đồng đã trả qua ngân hàng. Tại phiên tòa ngày 15/7/2022, bà Th nêu “Trong 03 tháng cuối năm 2021, bà Th trình bày có đến nhà bà C để đóng lãi nhưng bà C không có mặt ở nhà nên giao tiền cho mẹ bà C cụ thể: tháng 10/2021 đưa số tiền 12.000.000 đồng; tháng 11/2021 đưa số tiền 20.000.000 đồng và tháng 12/2021 đưa số tiền 25.000.000 đồng”. Sau đó, bà Th điều chỉnh lại là ngày 19/10/2020 giao 25.000.000 đồng, ngày 20/11/2020 giao 20.000.000 đồng và ngày 04/12/2021 giao 12.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Hồ Nam Tr trình bày:

Ông thống nhất vợ là bà Th còn nợ của bà C 1.850.000.000 đồng, đối với số tiền 350.000.000 đồng ông Tr, bà Th cùng trả. Đối với Biên nhận ngày 07/9/2019 ông Tr xác định là chữ ký của ông Tr nhưng nội dung ngày tháng có bôi, sửa và bà C có ghi thêm nội dung hai hàng phía trên. Về Biên nhận ngày 01/6/2021 bị rách, bị xé dán lại, sửa ngày tháng không đọc được nội dung ông không đồng ý chứng cứ này, chữ ký trong Biên nhận ngày 01/6/2021 là của ông Tr. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tr đồng ý cùng bà Th trả cho bà C số tiền 2.200.000.000 đồng và lãi từ năm 2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ông Tr và bà Th xác định hai vợ chồng sống chung với nhau từ năm 1992 cho đến nay và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị E trình bày:

Bà nhận được thông tin của Tòa án về việc cô Th đã giao tiền cho bà để đóng tiền lãi cho bà C cụ thể: ngày 20/11/2020 giao 20.000.000 đồng, ngày 19/10/2020 giao 25.000.000 đồng và ngày 04/12/2021 giao 12.000.000 đồng. Bà xác định từ trước đến nay bà không nhận khoản tiền nào của bà Th gửi đóng tiền lãi cho con bà.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và bà C không có quan hệ bà con thân thích mà chỉ là người chơi hụi với nhau, bà có trực tiếp chứng kiến bà C với ông Hồ Nam Tr (Tám An) giao nhận số tiền 500.000.000 đồng tại nhà ông Tr vào ngày 06/4/2019, lý do bà biết được là do số tiền này của bà rút ra từ Ngân hàng đầu tư - phòng giao dịch Chợ Mới khi về đến nhà ông Tr thì bà giao số tiền 500.000.000 đồng cho bà C, sau đó bà C giao số tiền 500.000.000 đồng đó cho ông Tr, bà trực tiếp chứng kiến. Sau vài ngày, bà có rút tại Ngân hàng đầu tư - phòng giao dịch Chợ Mới số tiền 200.000.000 đồng, sau khi rút ra bà giao số tiền 200.000.000 đồng cho bà C để bà C cho ông Tr (Tám An) vay, việc giao nhận tại quầy của ngân hàng. Như

vậy, bà biết được ông Tr (Tám An) có nhận tổng số tiền 700.000.000 đồng của bà C giao, việc bà đưa tiền cho bà C để bà C cho vay, bà không tranh chấp với bà C mà bà chỉ làm chứng cho bà C để xác định số tiền 700.000.000 đồng ông Tr đã trực tiếp nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C và xử như sau:

Buộc ông Hồ Nam Tr, bà Nguyễn Võ Diễm Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị C số tiền vay là 2.800.000.000 đồng và tiền lãi 1.505.459.000 đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 25/02/2022 và Quyết định số 09/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới để đảm bảo việc thi hành án, cụ thể: Phong tỏa tài sản của ông Hồ Nam Tr, bà Nguyễn Võ Diễm Th là:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02444/cB được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 07/9/1999 (chỉnh lý biến động trang 4 ngày 04/7/2016), tờ bản đồ số 19, thửa đất số 3, diện tích 853m², mục đích sử dụng: Thổ cư 800m² + Lnk 53m², tọa lạc xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đối tượng cấp giấy ông Hồ Nam Tr.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05486 do Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp ngày 03/01/2017 tờ bản đồ số 62, thửa đất số 4, 31, diện tích 5.777m², mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã Long Điền B. Đối tượng cấp giấy là cá nhân ông Hồ Nam Tr.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01813 được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 25/7/2013 tờ bản đồ số 62, thửa đất số 73, diện tích 13.654m², mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã Long Điền B. Đối tượng cấp giấy là cá nhân ông Hồ Nam Tr.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01868 được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 04/12/2013 (chỉnh

lý biến động trang 4 ngày 22/6/2016) tờ bản đồ số 2, thửa đất số 44, diện tích 89,5m²; Nhà ở: diện tích xây dựng: 70,43m², diện tích sàn 106,04m², kết cấu khung BTCT, tường xây gạch, nền lót gạch ceramic, mái tole, gác gỗ, cấp (hạng): 4b, số tầng: 01 trệt + 01 gác gỗ, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Long Điền B. Đối tượng cấp giấy ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th.

Hủy bỏ biện pháp bảo đảm theo Quyết định 02/2022/QĐ-BPBD ngày 25/02/2022 và Quyết định số 06 ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Bà Vũ Thị C (Bích C), sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Long Thành, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang được nhận lại số tiền 80.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 25/02/2022 và số tiền 253.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 04/5/2022 vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về án phí:

Ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th có nghĩa vụ liên đới chịu 112.305.000 đồng án phí dân sự.

Bà Vũ Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 44.000.000 đồng theo Biên lai số 0010279 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 9 năm 2022 ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th nộp Đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về việc xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chúng tôi với bà Vũ Thị C nêu trên và kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm vụ án.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tr, bà Th cho rằng số nợ 2.800.000.000 đồng, đã trả số tiền 600.000.000 đồng nên còn nợ 2.200.000.000 đồng là không có căn cứ, ông Tr và bà Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Theo Biên nhận ngày 01/6/2021 ông Tr, bà Th còn nợ bà C số tiền 3.400.000.000 đồng và đã trả 600.000.000 đồng nên còn nợ 2.800.000.000 đồng, đề nghị hoãn phiên tòa để giám định đối với Biên nhận ngày 01/6/2021. Trường hợp tiếp tục xét xử, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn: Ông Tr, bà Th thừa nhận còn nợ bà C số tiền 2.800.000.000 đồng và đã trả số tiền 600.000.000 đồng nên còn nợ

2.200.000.000 đồng. Đối với Biên nhận ngày 01/6/2021 không đảm bảo tính toàn vẹn, khách quan trong vụ án do sửa chữa, bôi xóa. Về tiền lãi 1.505.459.000 đồng bị đơn cũng không đồng ý, vì đã chót nợ nên không có lý do gì không đóng lãi, tại Biên nhận ngày 01/6/2021 do bà C ghi phần mục màu xanh thể hiện bị đơn có trả lãi đến cuối năm 2021 nên bị đơn đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật từ năm 2022. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời cấp sơ thẩm đã áp dụng quá nhiều tài sản so với số nợ nên đề nghị hủy một phần quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C; buộc ông Tr, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền 2.478.901.068 đồng (Gồm vốn 1.980.322.000 đồng và lãi 498.579.068 đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tr, bà Th phải chịu 80.828.021 đồng, bà C phải chịu 67.921.738 đồng.

Các phần còn lại của án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị E là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về kháng cáo của ông Tr và bà Th, xét thấy giữa bà C và bà Th, ông Tr đều thống nhất số tiền vay là 2.800.000.000 đồng. Bà Th và ông Tr đồng ý trả cho bà C số tiền 2.200.000.000 đồng, còn số tiền 600.000.000 đồng ông bà đã trả cho bà C qua Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Chợ Mới theo Giấy nộp tiền ngày 15/6/2021. Bà C thừa nhận bà Th đã trả cho bà C số tiền 600.000.000 đồng qua Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Chợ Mới để trả

cho khoản nợ của Biên nhận ngày 01/6/2021 mà ông Tr xác nhận có ký tên vay số tiền 100.000.000 đồng và bà Th nhận thêm 500.000.000 đồng. Xét Biên nhận ghi ngày 20/01/2021 và ngày 01/6/2021 do bà C cung cấp về phần ghi mực màu đỏ có bôi xóa, sửa ngày tháng năm và số tiền bằng số, bằng chữ đều bị bôi xóa, sửa và viết thêm, còn phần mực màu xanh do bà C viết nên các biên nhận này không được xem là chứng cứ. Do đó, bà C cho rằng số tiền 600.000.000 đồng ông Tr, bà Th trả của khoản tiền theo Biên nhận ngày 01/6/2021 là không có cơ sở. Như vậy, ông Tr và bà Th còn nợ của bà C số tiền gốc 2.800.000.000 đồng và ngày 15/6/2021 đã trả số tiền 600.000.000 đồng nên ông Tr và bà Th còn phải trả cho bà C số tiền gốc 2.200.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất, bà C cho rằng từ khi vay đến nay không đóng lãi, còn ông Tr, bà Th trình bày ông bà đã đóng lãi suất 3%/tháng tính từ khi vay đến cuối năm 2021. Xét thấy, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng là cao hơn lãi suất do pháp luật quy định. Việc thỏa thuận giao kết vay tiền từ ngày 02/02/2019 đến ngày 10/11/2020 nhưng bà C cho rằng ông Tr, bà Th chưa trả lãi là không hợp lý, vì nếu lần vay trước không trả lãi thì không lý do gì bà C tiếp tục cho vay thêm nhiều lần sau. Tại Biên nhận ngày 01/6/2021 phần ghi mực màu xanh do bà C viết để tính lãi đối với tiền vay và ghi “đưa 48.000.000đ lời” là có cơ sở xác định bà Th và ông Tr có trả lãi cho bà C và đến ngày 15/6/2021 trả vốn 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, lãi suất hai bên đều không nhớ đã trả lãi được bao nhiêu tiền nên không có cơ sở để điều chỉnh lại số tiền lãi đã trả. Căn cứ vào lần trả tiền sau cùng là ngày 15/6/2021 để tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 07/9/2022) là 01 năm 02 tháng 24 ngày đối với số tiền 2.200.000.000 đồng với lãi suất 1,666%/tháng bằng 542.449.599 đồng được khấu trừ số tiền lãi 37.500.000 đồng đã trả nên ông Tr, bà Th còn phải trả lãi cho bà C số tiền 504.949.599 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tr tự nguyện cùng bà Th trả cho bà C số tiền 2.200.000.000 đồng và lãi. Như vậy, ông Tr và bà Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền 2.704.949.599 đồng (gồm gốc là 2.200.000.000 đồng và lãi là 504.949.599 đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu ông Tr và bà Th trả số tiền 1.600.509.401 đồng.

[4] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 25/02/2022 để phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là phần đất diện tích 853m², thửa đất số 3, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2022 để phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên cần được tiếp tục duy trì để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án. Do đó, kháng cáo ông Tr và bà Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hủy các Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2022/QĐ-BPBD ngày 25/02/2022 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số

06/2022/QĐ-BPBD ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Bà C được nhận lại số tiền 80.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 25/02/2022 và số tiền 253.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 04/5/2022 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - C nhánh Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tr và bà Th. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới như đã nhận định trên. Chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn và một phần ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa, không chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận một phần nên bà C phải chịu 60.015.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Án phí được khấu trừ vào 44.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp nên bà C còn phải nộp thêm 16.015.000 đồng án phí.

Ông Tr và bà Th phải chịu 86.098.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Tr và bà Th được chấp nhận nên ông Tr và bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Tr và bà Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308 và Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C.

Buộc ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị C số tiền gốc 2.200.000.000 đồng và tiền lãi 504.949.599 đồng. Tổng cộng: 2.704.949.599 đồng.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C yêu cầu ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th trả số tiền 1.600.509.401 đồng.

5. Tiếp tục duy trì các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 25/02/2022 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 09/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án. Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th gồm:

5.1 Phần đất diện tích 853m², tờ bản đồ số 19, thửa đất số 3, mục đích sử dụng đất thổ cư và Lnk, tọa lạc xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02444/cB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 07/9/1999 (chỉnh lý biên động trang 4 ngày 04/7/2016) cho ông Hồ Nam Tr.

5.2 Phần đất diện tích 5.777m², tờ bản đồ số 62, thửa số 4 và 31, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã Long Điền B, huyện Chợ Mới theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05486 do Sở tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 03/01/2017 cho ông Hồ Nam Tr.

5.3 Phần đất diện tích 13.654m², tờ bản đồ số 62, thửa đất số 73, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã Long Điền B, huyện Chợ Mới theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01813 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 25/7/2013 cho ông Hồ Nam Tr.

5.4 Căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 89,5m², tờ bản đồ số 2, thửa đất số 44, mục đích sử dụng đất ở nông thôn, tọa lạc xã Long Điền B, huyện Chợ Mới theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01868 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 04/12/2013 (chỉnh lý biên động trang 4 ngày 22/6/2016) cho ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th.

6. Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 02/2022/QĐ-BPBD ngày 25/02/2022 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 06/2022/QĐ-BPBD ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Bà Vũ Thị C được nhận lại số tiền 80.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 25/02/2022 và số tiền 253.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 04/5/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Chợ Mới, tỉnh An Giang.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1 Bà Vũ Thị C phải chịu 60.015.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 44.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010279 ngày 24/02/2022 của Cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên bà C còn phải nộp thêm 16.015.000 đồng.

7.2 Ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th cùng phải chịu 86.098.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Nam Tr và bà Nguyễn Võ Diễm Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Tr và bà Th mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số

0005529 và số 0005531 cùng ngày 08/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND H.Chợ Mới;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà